129-KH/TU
Tỉnh ủy Gia Lai

TỈNH ỦY GIA LAI

*

Số 129-KH/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Gia Lai, ngày 15 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
thực hiện Kết luận số 83-KL/TW, ngày 08/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển công nghiệp vật liệu Việt Nam trên địa bàn tỉnh Gia Lai

---

Thực hiện Kết luận số 83-KL/TW, ngày 08/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển công nghiệp vật liệu Việt Nam (sau đây gọi tắt là Kết luận số 83-KL/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kết luận số 83-KL/TW; thống nhất nhận thức trong toàn hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về vị trí, vai trò của công nghiệp vật liệu là ngành công nghiệp nền tảng, có ý nghĩa chiến lược đối với năng lực tự chủ, sức cạnh tranh, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững của tỉnh. Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Kết luận số 83-KL/TW thành các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tiềm năng tài nguyên, lợi thế so sánh, vị trí địa kinh tế, không gian phát triển và điều kiện thực tế của tỉnh.

Tập trung chuyển mạnh mô hình phát triển công nghiệp vật liệu từ khai thác, cung cấp nguyên liệu sang chế biến sâu, tinh chế, sản xuất vật liệu và sản phẩm ứng dụng có giá trị gia tăng cao; từng bước hình thành các chuỗi giá trị liên kết từ vùng nguyên liệu, khai thác, chế biến, chế biến sâu, sản xuất sản phẩm ứng dụng, logistics đến thị trường tiêu thụ và xuất khẩu; nâng cao tỷ lệ giá trị gia tăng được tạo ra trên địa bàn tỉnh.

Lựa chọn các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và khả năng hình thành chuỗi để tập trung nguồn lực phát triển, trong đó chú trọng vật liệu cơ bản, vật liệu xây dựng xanh, bô-xít - alumin - nhôm và các sản phẩm sau nhôm, titan và vật liệu titan, vật liệu tái chế, vật liệu sinh học, composite, vật liệu phục vụ năng lượng mới và một số nhóm vật liệu chiến lược, vật liệu tương lai phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Tạo chuyển biến rõ nét về công nghệ, năng suất, chất lượng, tiêu chuẩn, môi trường, quản trị và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; hình thành một số doanh

nghiệp nòng cốt có khả năng dẫn dắt chuỗi giá trị, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và từng bước xây dựng nền tảng công nghiệp vật liệu hiện đại, xanh, tuần hoàn và có khả năng tham gia sâu vào chuỗi cung ứng trong nước, khu vực và quốc tế.

2. Yêu cầu

Việc tổ chức thực hiện phải bám sát Kết luận số 83-KL/TW, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, Quy hoạch tỉnh và các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan; bảo đảm tính thống nhất giữa phát triển công nghiệp vật liệu với phát triển hạ tầng chiến lược, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, năng lượng, giao thông, logistics, đô thị, nông nghiệp, kinh tế biển, thương mại và hội nhập quốc tế.

Phát triển công nghiệp vật liệu phải có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, phù hợp với lợi thế từng khu vực và khả năng cân đối nguồn lực. Mọi dự án khai thác khoáng sản, nhất là khoáng sản có giá trị và ý nghĩa chiến lược, phải được xem xét trong tổng thể chuỗi giá trị, phương án chế biến, công nghệ, thị trường, hạ tầng, môi trường, hiệu quả sử dụng tài nguyên và khả năng đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phát triển công nghiệp vật liệu phải gắn chặt với bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, năng lượng, phát triển kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh; kiên quyết không đánh đổi môi trường, tài nguyên và lợi ích lâu dài của tỉnh để lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Phát triển công nghiệp vật liệu là một cấu phần quan trọng trong chiến lược phát triển công nghiệp của tỉnh, góp phần nâng cao năng lực tự chủ về nguyên liệu, tạo nền tảng cho công nghiệp chế biến, chế tạo, xây dựng, năng lượng, cơ khí, công nghiệp hỗ trợ, logistics và các ngành công nghiệp công nghệ cao.

Tập trung phát triển công nghiệp vật liệu theo hướng chế biến sâu, nâng cao hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng; quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản tiết kiệm, hiệu quả, theo chuỗi giá trị; hạn chế tối đa việc khai thác, xuất khẩu hoặc tiêu thụ khoáng sản ở dạng nguyên liệu thô; khuyến khích tận thu, tái chế, tái sử dụng phế thải và hình thành nguồn nguyên liệu thứ cấp cho sản xuất.

Phát triển công nghiệp vật liệu theo không gian liên kết vùng, phát huy lợi thế đặc thù của tỉnh Gia Lai sau khi mở rộng không gian phát triển, kết nối khu vực phía

Tây với khu vực trung tâm, hành lang Đông - Tây, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trung tâm logistics, các đô thị và hệ thống cảng biển; hình thành mạng lưới sản xuất và lưu thông vật liệu có quy mô, hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao là động lực chủ yếu của phát triển. Doanh nghiệp là trung tâm và chủ thể tổ chức sản xuất, thương mại hóa công nghệ; viện nghiên cứu, trường đại học là nền tảng nghiên cứu, đào tạo; Nhà nước giữ vai trò kiến tạo thể chế, quy hoạch, hạ tầng, kết nối và tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi. Đẩy mạnh "đổi mới, chuyển giao, tiếp nhận, hấp thụ và làm chủ công nghệ" trong quá trình phát triển công nghiệp vật liệu; gắn nghiên cứu khoa học với ứng dụng, đổi mới công nghệ, hoàn thiện công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

Ưu tiên phát triển vật liệu xanh, vật liệu carbon thấp, vật liệu không nung, vật liệu tái chế, vật liệu sinh học và các mô hình sản xuất tuần hoàn; lồng ghép các yêu cầu về giảm phát thải, tiết kiệm tài nguyên và năng lượng vào quá trình lựa chọn, thẩm định, triển khai và vận hành dự án.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu đến năm 2030

- Phấn đấu 100% dự án khai thác mới đối với khoáng sản có tiềm năng, giá trị cao có phương án gắn khai thác với chế biến sâu tại dự án hoặc liên kết cung cấp nguyên liệu cho cơ sở chế biến sâu phù hợp với quy hoạch, tính chất khoáng sản và quy định pháp luật.

- Rà soát, phân loại và xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ, cải tạo hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định pháp luật đối với 100% cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

- Kiểm soát 100% nguồn thải lớn tại các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu thuộc diện phải quan trắc tự động, liên tục theo quy định.

- Phấn đấu 100% cụm công nghiệp đang hoạt động có phát sinh nước thải thuộc diện phải xử lý thực hiện thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng trước khi xả ra môi trường theo quy định.

- Hoàn thành xây dựng Bản đồ số tài nguyên khoáng sản của tỉnh đến năm 2030, trong đó tích hợp thông tin về tài nguyên, trữ lượng, chất lượng, giấy phép, công suất, sản lượng, cơ sở chế biến, hạ tầng, môi trường và thị trường.

- Phấn đấu thu hút ít nhất 05 dự án công nghiệp vật liệu quy mô lớn, công nghệ

tiên tiến, có khả năng tạo chuỗi liên kết và giá trị gia tăng cao được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định.

- Hình thành ít nhất 03 mô hình sản xuất vật liệu theo hướng kinh tế tuần hoàn, tái chế, sử dụng phế thải công nghiệp, chất thải xây dựng, tro xỉ, phụ phẩm nông - lâm nghiệp hoặc các nguồn nguyên liệu thứ cấp phù hợp.

- Hình thành ít nhất 02 mô hình khu công nghiệp sinh thái có định hướng phát triển công nghiệp vật liệu theo hướng xanh, tuần hoàn, thông minh.

b) Tầm nhìn đến năm 2045

Gia Lai trở thành một trong những trung tâm công nghiệp vật liệu hiện đại, xanh và bền vững của cả nước; tham gia sâu vào chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng toàn cầu về các dòng vật liệu chiến lược, vật liệu mới và vật liệu lưỡng dụng.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo; thống nhất nhận thức và hành động

Tổ chức quán triệt sâu rộng Kết luận số 83-KL/TW và Kế hoạch này đến các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân; đưa nhiệm vụ phát triển công nghiệp vật liệu, chế biến sâu, sử dụng hiệu quả tài nguyên và phát triển vật liệu xanh vào chương trình công tác hằng năm của cấp ủy, chính quyền các cấp.

Xây dựng cơ chế phối hợp, điều phối liên ngành trong phát triển công nghiệp vật liệu; định kỳ tổ chức các cuộc họp chuyên đề để rà soát, xử lý các dự án trọng điểm và các điểm nghẽn liên quan đến quy hoạch, đất đai, khoáng sản, môi trường, điện, nước, giao thông, logistics và thị trường.

2. Hoàn thiện quy hoạch, cơ chế, chính sách và danh mục ưu tiên

Rà soát các văn bản, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh để sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền hoàn thiện, bảo đảm đồng bộ với pháp luật về khoáng sản, chuyển giao công nghệ, đầu tư, đất đai, môi trường; tạo môi trường thuận lợi, an toàn cho đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp vật liệu. Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ thuộc thẩm quyền; đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội nhằm thúc đẩy tiếp nhận, làm chủ công nghệ sản xuất vật liệu chiến lược, vật liệu giá trị cao, vật liệu phục vụ công nghiệp bán dẫn, năng lượng mới, quốc phòng, an ninh, vật liệu lưỡng dụng và các ngành công nghiệp tương lai.

Rà soát Quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và các quy hoạch có liên quan để bảo đảm thống nhất về không gian phát triển, quỹ đất, hạ tầng, nguồn nguyên liệu và khả năng cung ứng năng lượng, nước cho các dự án công nghiệp vật liệu.

Trên cơ sở Quy hoạch tỉnh và định hướng phát triển công nghiệp, xây dựng Danh mục các phân ngành, sản phẩm và dự án công nghiệp vật liệu ưu tiên giai đoạn 2026 - 2030. Danh mục được phân nhóm theo vật liệu cơ bản; vật liệu chiến lược; vật liệu mới, vật liệu tương lai; dự án chế biến sâu khoáng sản; dự án vật liệu xây dựng xanh; dự án tái chế, tuần hoàn; dự án nghiên cứu, thử nghiệm, kiểm định và phát triển công nghệ.

Xác định các phân ngành, khu vực trọng điểm ưu tiên phát triển công nghiệp vật liệu trên địa bàn tỉnh phù hợp với Quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn, các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; trường hợp phát sinh yêu cầu điều chỉnh không gian phát triển thì thực hiện theo trình tự, thẩm quyền quy định của pháp luật về quy hoạch.

Việc lựa chọn bô-xít, titan và các nhóm vật liệu ưu tiên phải dựa trên kết quả rà soát tài nguyên, quy hoạch được phê duyệt, khả năng cung cấp điện, nước, hạ tầng, công nghệ, thị trường và yêu cầu bảo vệ môi trường; không xác định dự án, địa điểm cụ thể khi chưa có đủ căn cứ. Chủ động rà soát, cập nhật mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch sau khi Chiến lược quốc gia phát triển công nghiệp vật liệu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các văn bản triển khai của Trung ương được ban hành.

Đối với các dự án công nghiệp vật liệu trọng điểm, thực hiện cơ chế một đầu mối theo dõi, hỗ trợ và đôn đốc; công khai tiến độ xử lý hồ sơ, xác định rõ cơ quan chủ trì ở từng khâu, hạn chế tình trạng hồ sơ phải đi qua nhiều đầu mối mà không rõ trách nhiệm.

3. Quản lý, khai thác hiệu quả tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường

Rà soát tổng thể tiềm năng, trữ lượng, chất lượng, điều kiện khai thác và hiện trạng chế biến đối với các loại khoáng sản có khả năng tạo ra sản phẩm vật liệu có giá trị cao; xác định rõ những nhóm khoáng sản cần ưu tiên bảo vệ, khai thác hợp lý và chế biến sâu.

Xây dựng và cập nhật Bản đồ số tài nguyên khoáng sản tỉnh Gia Lai, từng bước tích hợp với cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, cơ sở chế biến, hạ tầng giao thông, logistics, môi trường, thị trường và chuỗi cung ứng. Hệ thống dữ liệu phải phục vụ đồng thời công tác quản lý nhà nước, quy hoạch, giám sát tài nguyên và xúc tiến đầu tư.

Đối với dự án khai thác mới các loại khoáng sản có tiềm năng, giá trị cao, yêu cầu có phương án gắn khai thác với chế biến sâu tại dự án hoặc liên kết cung cấp nguyên liệu cho cơ sở chế biến sâu phù hợp với quy hoạch và quy định pháp luật; ưu tiên công nghệ tiên tiến, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, có thị trường tiêu thụ và tạo sản phẩm vật liệu có giá trị gia tăng cao. Hạn chế hình thành các dự án khai thác nhỏ lẻ, manh mún, không gắn với chế biến và thị trường.

Từng bước xây dựng cơ chế quản lý chuỗi từ thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến đến tiêu thụ; nghiên cứu ứng dụng viễn thám, GIS, AI, IoT, camera và thiết bị đo đếm để hỗ trợ giám sát sản lượng, nguồn gốc khoáng sản, vận chuyển và môi trường.

Tăng cường kiểm tra các cơ sở có công nghệ lạc hậu, hiệu quả sử dụng tài nguyên thấp, phát sinh ô nhiễm hoặc không đáp ứng quy định về an toàn, môi trường; xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ, chuyển đổi hoặc chấm dứt hoạt động phù hợp với quy định pháp luật.

Gắn trách nhiệm của nhà đầu tư với hoàn nguyên, phục hồi môi trường, phục hồi hệ sinh thái, đóng cửa mỏ và trách nhiệm đối với cộng đồng dân cư tại khu vực khai thác.

4. Phát triển đồng bộ các nhóm sản phẩm vật liệu thế mạnh của tỉnh

a) Phát triển vật liệu cơ bản và vật liệu xây dựng xanh

Cơ cấu lại ngành sản xuất đá, cát, đất sét, xi măng, gạch, vật liệu hoàn thiện và các vật liệu xây dựng khác theo hướng nâng cao chất lượng, tiết kiệm năng lượng, giảm tiêu hao nguyên liệu và tăng tỷ lệ sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Đẩy mạnh sản xuất gạch không nung, vật liệu thay thế cát tự nhiên, vật liệu tái chế từ chất thải xây dựng, tro xỉ và phế thải công nghiệp; nghiên cứu phát triển vật liệu carbon thấp, xi măng xanh, vật liệu cách nhiệt, vật liệu xây dựng thông minh và các sản phẩm phục vụ công trình xanh.

Thường xuyên rà soát cung - cầu, công suất và thị trường để điều tiết quy mô đầu tư, hạn chế dư thừa công suất; gắn phát triển vật liệu xây dựng với nhu cầu hạ tầng giao thông, đô thị, nhà ở, công nghiệp, logistics và các công trình trọng điểm của tỉnh.

b) Phát triển chuỗi bô-xít - alumin - nhôm và sản phẩm sau nhôm

Rà soát đồng bộ không gian, tài nguyên, hạ tầng giao thông, điện, nước, logistics và môi trường để xác định khu vực phù hợp phát triển chuỗi bô-xít - alumin - nhôm theo quy hoạch và quy định pháp luật.

Ưu tiên thu hút công nghệ chế biến sâu, nâng cao chất lượng alumin, phát triển sản phẩm nhôm và từng bước hình thành các ngành sản xuất, chế biến sản phẩm từ nhôm như hợp kim nhôm, nhôm kỹ thuật, sản phẩm nhôm phục vụ cơ khí, xây dựng, năng lượng, giao thông và công nghiệp hỗ trợ.

Nghiên cứu khả năng hình thành tổ hợp công nghiệp bô-xít - alumin - nhôm gắn với vùng nguyên liệu, khu, cụm công nghiệp, năng lượng, logistics và thị trường; đồng thời kiểm soát chặt chẽ vấn đề bùn đỏ, chất thải, nước thải, hoàn nguyên và phục hồi môi trường.

c) Phát triển titan, hợp kim titan và vật liệu chiến lược

Rà soát tiềm năng tài nguyên titan, điều kiện công nghệ, môi trường và thị trường để lựa chọn hướng phát triển phù hợp; ưu tiên chế biến sâu theo chuỗi từ tinh quặng đến các sản phẩm trung gian, hợp chất, kim loại, hợp kim và sản phẩm vật liệu ứng dụng khi bảo đảm điều kiện về công nghệ, môi trường và hiệu quả kinh tế.

Kết nối các dự án titan với hệ sinh thái cơ khí, công nghiệp hỗ trợ, năng lượng, điện tử và các ngành có nhu cầu sử dụng vật liệu có tính năng cao; ưu tiên thu hút các doanh nghiệp có năng lực công nghệ, tài chính và thị trường.

d) Phát triển vật liệu mới, vật liệu sinh học, composite và vật liệu tương lai

Tập trung nghiên cứu, thử nghiệm và thương mại hóa các sản phẩm vật liệu có khả năng tận dụng lợi thế nguyên liệu của tỉnh như polymer sinh học, composite, vật liệu từ phụ phẩm gỗ, cà phê, cao su và phụ phẩm nông - lâm nghiệp.

Từng bước xây dựng năng lực nghiên cứu, thiết kế, mô phỏng, thử nghiệm và đánh giá vật liệu mới; hình thành các nhóm nghiên cứu liên kết giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu và trường đại học.

Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đặt hàng, tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới và hoàn thiện công nghệ có khả năng tạo ra sản phẩm vật liệu mới và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận, hấp thụ và làm chủ công nghệ, bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ, tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm. Chủ động nghiên cứu một số xu hướng vật liệu mới phù hợp với định hướng quốc gia như vật liệu phục vụ năng lượng mới, lưu trữ năng lượng, vật liệu thông minh, vật liệu sinh học và composite thế hệ mới.

5. Tổ chức không gian công nghiệp vật liệu gắn với khu, cụm công nghiệp, logistics và cảng biển

Việc tổ chức không gian phát triển công nghiệp vật liệu phải căn cứ Quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; các định hướng theo khu vực trong Kế hoạch được cụ thể hóa về phạm vi, chức năng, quy mô và địa điểm trong quá trình lập, điều chỉnh và tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định.

Tổ chức không gian phát triển công nghiệp vật liệu theo hướng hình thành các chuỗi liên kết bổ trợ, trong đó khu vực phía Tây tập trung phát triển vùng nguyên liệu, chế biến sâu bô-xít - alumin - nhôm, vật liệu sinh học, vật liệu từ phụ phẩm nông - lâm nghiệp và các ngành công nghiệp có lợi thế; tăng cường kết nối với trung tâm Pleiku, các khu, cụm công nghiệp và các tuyến giao thông chiến lược.

Khu vực trung tâm và hành lang Đông - Tây ưu tiên phát triển các khu, cụm công nghiệp nằm gần các tuyến cao tốc, quốc lộ, nút giao thông và trung tâm logistics; hình thành các điểm tập kết, kho bãi, trung chuyển, sơ chế và chế biến vật liệu, qua đó giảm chi phí logistics và tăng khả năng kết nối giữa vùng nguyên liệu với cơ sở sản xuất.

Khu vực phía Đông và không gian ven biển, tại các khu vực được xác định phù hợp trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phát huy lợi thế về cảng biển, logistics, đô thị và công nghiệp để phát triển vật liệu xây dựng, cơ khí, công nghiệp hỗ trợ, chế biến sâu và các ngành sử dụng vật liệu có khả năng xuất khẩu; đồng thời bảo đảm yêu cầu về phát triển đô thị, kiến trúc cảnh quan, kết nối hạ tầng và bảo vệ môi trường.

Nghiên cứu hình thành một số khu, cụm công nghiệp chuyên ngành vật liệu tại các khu vực phù hợp với Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan, theo mô hình xanh, thông minh, tuần hoàn; ưu tiên sử dụng chung hệ thống xử lý nước thải, chất thải, năng lượng, kho bãi, logistics, phòng thử nghiệm và nền tảng dữ liệu.

Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực doanh nghiệp, nguồn vốn đầu tư và các nguồn hợp pháp khác; bố trí ngân sách theo phân cấp, khả năng cân đối và quy định pháp luật, lồng ghép với các chương trình, kế hoạch có liên quan. Ưu tiên nguồn lực cho cơ sở dữ liệu, nghiên cứu ứng dụng, đào tạo nhân lực và hạ tầng dùng chung; tránh đầu tư dàn trải, trùng lặp.

6. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực

Nghiên cứu, đề xuất xây dựng và triển khai chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh về công nghiệp vật liệu; tập trung vào nghiên cứu ứng dụng, đổi mới, hoàn thiện và làm chủ công nghệ chế biến sâu, vật liệu xanh, vật liệu

tái chế, vật liệu sinh học, composite, công nghệ tận dụng phụ phẩm và công nghệ giám sát tài nguyên.

Hình thành cơ sở dữ liệu số chuyên ngành công nghiệp vật liệu trên nguyên tắc kế thừa, tích hợp, kết nối và chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hiện có; đối với dữ liệu thuộc lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, thực hiện liên kết, cập nhật theo Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định.

Đẩy mạnh ứng dụng AI, Big Data, GIS, viễn thám, IoT và tự động hóa trong khảo sát tài nguyên, quản lý mỏ, kiểm soát sản xuất, dự báo thị trường, quản trị môi trường và tối ưu hóa logistics.

Thiết lập cơ chế liên kết giữa doanh nghiệp với các trường đại học, viện nghiên cứu và cơ sở đào tạo để đào tạo kỹ sư, kỹ thuật viên và đội ngũ quản lý trong các lĩnh vực vật liệu, hóa học, cơ khí, tự động hóa, môi trường, công nghệ số và quản trị sản xuất.

Nghiên cứu cơ chế đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm đối với chuyên gia, nhóm nghiên cứu và doanh nghiệp; chủ động thu hút chuyên gia trong nước, chuyên gia quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia các dự án công nghiệp vật liệu có tính chiến lược.

7. Xanh hóa ngành vật liệu, phát triển kinh tế tuần hoàn và kiểm soát môi trường

Lồng ghép các tiêu chí về kinh tế tuần hoàn, phát thải carbon thấp, tiết kiệm tài nguyên và năng lượng vào quá trình lựa chọn dự án, thẩm định công nghệ, cấp phép và quản lý vận hành.

Ưu tiên đầu tư, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, chất thải tập trung tại khu, cụm công nghiệp; kiểm soát chặt chẽ nguồn thải từ hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu.

Khuyến khích hình thành các mô hình cộng sinh công nghiệp, trong đó chất thải hoặc phụ phẩm của doanh nghiệp này trở thành nguyên liệu đầu vào của doanh nghiệp khác sau khi được phân loại, xử lý và đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Tăng cường kiểm kê, quản lý phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở thuộc diện quy định; hỗ trợ doanh nghiệp từng bước đáp ứng yêu cầu về carbon, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn xanh và hàng rào kỹ thuật của các thị trường xuất khẩu.

Không để phát sinh các điểm nóng môi trường mới tại khu vực khai thác, chế biến khoáng sản và khu, cụm công nghiệp; kết hợp công tác thanh tra, kiểm tra với

hướng dẫn doanh nghiệp phòng ngừa, khắc phục và nâng cao năng lực tuân thủ.

8. Xúc tiến thu hút đầu tư và đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế

Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, giới thiệu đầy đủ tiềm năng tài nguyên, quỹ đất, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, nguồn điện, nước, logistics, cảng biển, thị trường, chính sách và danh mục dự án ưu tiên.

Chủ động tiếp cận các tập đoàn, doanh nghiệp có năng lực về bô-xít - alumin - nhôm, titan, vật liệu xây dựng xanh, vật liệu tái chế, composite, vật liệu sinh học, vật liệu phục vụ pin và năng lượng mới; ưu tiên nhà đầu tư có năng lực công nghệ, tài chính, quản trị và thị trường.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp vật liệu; trong đó, chú trọng các tiêu chí về trình độ công nghệ, khả năng đổi mới sáng tạo, khả năng tiếp nhận, làm chủ công nghệ và hiệu quả chuyển giao công nghệ của dự án. Ưu tiên, khuyến khích các nhà đầu tư có cam kết và hoạt động thực tế về nghiên cứu, phát triển, đổi mới công nghệ, cũng như có sự liên kết, hợp tác chặt chẽ với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước.

Xây dựng cơ chế thu hút đầu tư có chọn lọc, gắn ưu đãi với cam kết về công nghệ, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực, liên kết với doanh nghiệp trong tỉnh, tiêu chuẩn môi trường, tỷ lệ chế biến sâu và giá trị gia tăng tạo ra tại địa phương.

Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, truy xuất nguồn gốc, chứng nhận vật liệu xanh và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tăng cường kết nối với hệ thống logistics, cảng biển, trung tâm thương mại và các đầu mối xuất nhập khẩu; xây dựng phương án vận chuyển vật liệu khối lượng lớn theo hướng tối ưu chi phí, bảo đảm an toàn và giảm phát thải.

9. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản và kinh doanh vật liệu. Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, buôn lậu khoáng sản thô, tiêu cực, lãng phí trong quản lý tài nguyên.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền chỉ đạo công tác tuyên truyền, quán

triệt sâu rộng và triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung Kết luận số 83-KL/TW và Kế hoạch này phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình tại đơn vị, địa phương, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, phân công cụ thể trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc bảo đảm việc thực hiện kịp thời, đồng bộ, hiệu quả.

2. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác định hướng, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến các chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh về phát triển công nghiệp vật liệu.

3. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách, nguồn lực thực hiện Kế hoạch; tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện theo quy định.

4. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển công nghiệp vật liệu; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch về phát triển công nghiệp vật liệu của tỉnh.

5. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả, đồng bộ các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp của Kết luận số 83-KL/TW, các văn bản chỉ đạo của Trung ương về phát triển công nghiệp vật liệu và Kế hoạch này; trong đó xác định rõ yêu cầu, nhiệm vụ tập trung thực hiện, tiến độ hoàn thành, phân công trách nhiệm cụ thể của các cơ quan, đơn vị có liên quan; cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch thực hiện bảo đảm xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, tiến độ, sản phẩm và trách nhiệm theo nguyên tắc "rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả".

Chỉ đạo xây dựng danh mục nhiệm vụ trọng tâm kèm phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn, sản phẩm và nguồn lực thực hiện; xác định cơ quan đầu mối quản lý, cập nhật Bản đồ số tài nguyên khoáng sản, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu và tuân thủ quy định về bảo mật. Rà soát dữ liệu nền, thuyết minh căn cứ, địa điểm dự kiến, tiêu chí đánh giá đối với các chỉ tiêu thu hút dự án, mô hình sản xuất tuần hoàn và khu công nghiệp sinh thái; xác định lộ trình thực hiện phù hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét nếu cần điều chỉnh. Xác định tiêu chí về quy mô dự án phù hợp với từng phân ngành trong quá trình cụ thể hóa thực hiện.

Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình, kết quả thực

hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết theo quy định; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc, bất cập và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:
- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo);
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- CPVP, CVNC;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

Lê Thu Giang-265b

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY GIA LAI

Thái Đại Ngọc